

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đồng chủ biên: TS Trần Đình Tuấn
Th.s Đỗ Thị Thúy Phương**

**GIÁO TRÌNH
KIỂM TOÁN CĂN BẢN**

Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, năm 2008

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN

1.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KIỂM TOÁN

1.1.1. Trên thế giới

Với vai trò là một công cụ kiểm tra tài chính, phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế, khái niệm “Kiểm toán” (Audit) có nguồn gốc lịch sử hàng ngàn năm. Tuy nhiên, từ những hình thức sơ khai ban đầu cho đến nay, hoạt động kiểm toán đã trải qua một quá trình phát triển phức tạp gắn liền với các sự kiện lịch sử trên thế giới và luôn được hoàn thiện để đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế trong từng thời kỳ.

Các tài liệu đầu tiên liên quan đến lĩnh vực kiểm toán được tìm thấy trong thư viện của Cục Ngân khố Hoàng gia Anh. Các tài liệu này cho thấy hoạt động kiểm toán đã hình thành ngay từ những năm 1130 - 1200.

Từ thế kỷ 15 trở về trước, hoạt động kiểm toán chỉ gắn liền với việc ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động của Nhà nước. Hình thức kiểm toán ban đầu chỉ là việc giao cho hai người khác nhau cùng ghi chép một nghiệp vụ kinh tế. Người Ai Cập cổ đại đã quản lý tài chính bằng cách phân công hai quan chức thực hiện việc ghi chép độc lập các hóa đơn thuế của Nhà nước. Nhà nước La Mã cổ đại lại quy định việc kiểm tra chéo giữa các quan chức thực hiện nhiệm vụ chi tiêu ngân khố với các quan chức phê duyệt chi tiêu. Vào thời kỳ trung đại, hoạt động kiểm toán các thái ấp lớn được thực hiện rộng rãi bởi các kiểm tra viên độc lập và báo cáo cho các quan chức cao cấp của chính quyền địa phương.

Cách mạng công nghiệp (1750 – 1850) là chất xúc tác cho sự phát triển kinh tế vĩ đại tại nước Anh, một trong những đặc trưng đó là sự chuyển quyền quản lý tài sản từ người sở hữu sang những nhà quản lý chuyên nghiệp. Do đó, giai đoạn 1850 – 1905, nảy sinh nhu cầu rất lớn về những người kiểm tra độc lập để phát hiện những sai phạm của các nhà quản lý và báo cáo định kỳ về kết quả

công việc của họ cho các chủ sở hữu tài sản. Đến năm 1984, nước Anh ban hành Luật Công ty cổ phần - luật công ty cổ phần đầu tiên trên thế giới, cùng với sự xuất hiện khái niệm Kiểm toán viên. Từ đây, hình thức sơ khai về nghề nghiệp kiểm toán bắt đầu xuất hiện. Mặc dù kế toán đã là một công cụ kiểm soát hữu hiệu lúc bấy giờ bằng việc sử dụng phương pháp ghi sổ kép nhưng không thể ngăn được sự hoàn thiện của kiểm toán về mọi mặt.

Từ năm 1905 – 1930, chức năng của kiểm toán đã thay đổi mạnh mẽ ở Anh và Mỹ. Ở Mỹ, chức năng của kiểm toán dần thay đổi từ việc phát hiện gian lận và sai sót đến việc cung cấp những báo cáo về mức độ trung thực của các báo cáo tài chính so với thực trạng tài chính của đơn vị với i phương pháp kiểm toán chủ yếu là tiến hành các thử nghiệm (testing). Tuy nhiên, tại nước Anh, mục tiêu cơ bản của kiểm toán vẫn là phát hiện gian lận và sai sót trong khi các thủ tục kiểm tra chi tiết lại chiếm phần lớn. Mặc dù các kiểm toán viên nhận ra được vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ nhưng sự hoạt động của nó vẫn chưa có những ảnh hưởng lớn đến phạm vi và thời gian của một cuộc kiểm toán.

Từ năm 1929 đến năm 1933, loài người phải chứng kiến sự nghiệt ngã của cuộc đại khủng hoảng kinh tế trên quy mô toàn thế giới. Tâm điểm là sự kiện sụp đổ của thị trường chứng khoán phố Wall vào ngày 29-10-1929, còn gọi là “ngày Thứ Ba đen tối”, một trong những cuộc sụp đổ có sức tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nước Mỹ. Sự phá sản của hàng loạt tổ chức tài chính là dấu hiệu chứng minh yếu điểm của kế toán so với yêu cầu quản lý mới.

Năm 1934, Ủy ban Chứng khoán quốc gia Hoa Kỳ (SEC – Security and Exchange Commission) đã ban hành Luật trao đổi Chứng khoán trong đó quy định các báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập (Independent Public or Certified Accountant). Học viện Kế toán viên Công chứng Hoa Kỳ (American Institute of Certified Public Accountants – AICPA) cũng công bố Chuẩn mực về Báo cáo kiểm toán các tài khoản của công ty. Năm 1941, Học viện Kiểm toán nội bộ (Institute of Internal Audit – IIA) được thành

lập và đến năm 1947 đã ban hành một văn bản nhằm xác định chức năng và nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

Từ năm 1940 trở đi, các chuyên gia về kiểm toán đã chấp nhận mục tiêu cơ bản của kiểm toán là cung cấp những đánh giá về sự trung thực của các báo cáo tài chính chứ không phải chỉ là việc phát hiện ra các gian lận và sai sót như trước đây. Đồng thời, có sự thay đổi mạnh mẽ về phương pháp và nội dung kiểm toán. Các thử nghiệm được sử dụng rộng rãi bên cạnh việc kiểm tra chi tiết được áp dụng trong các trường hợp đặc biệt. Đồng thời, vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng thể hiện rõ như là một nhân tố quan trọng quyết định bản chất, thời gian và phạm vi của các thủ tục kiểm toán. Thêm nữa, các phương pháp thống kê cũng được sử dụng để quyết định phạm vi của các thử nghiệm, mặc dù chưa được áp dụng rộng rãi. Trong khoảng những năm 1972, thuật ngữ rủi ro kiểm toán bắt đầu được nhắc đến.

Hiện nay trên thế giới có hàng chục vạn công ty kiểm toán đăng ký hoạt động và được công nhận. Trong số đó, nổi lên một số công ty thật sự là các “đại gia” hàng đầu trong lĩnh vực kiểm toán, có mặt ở hầu hết tất cả các nước trên thế giới. Vào khoảng thập niên 70 của thế kỷ 20, người ta thường nhắc đến (Big Eight) tám Công ty giữ vị trí thống soái về lĩnh vực kiểm toán và tư vấn kế toán. Đến năm 1989, sau một số cuộc sáp nhập giữa các công ty trên cùng với đó là scandal tai tiếng vào tháng 6/2002, được biết đến là sự kiện phanh phui “liên minh ma quái” giữa Tập đoàn năng lượng Enron với một trong tám “đại gia” – công ty kiểm toán Arthur Andersen, Big Eight đã chuyển thành Big Four bao gồm các công ty: Deloitte & Touche, Ernst & Young, KPMG và PricewaterhouseCoopers.

Trong lĩnh vực công cộng, đã xuất hiện nhiều tổ chức kiểm toán của Chính phủ trong các lĩnh vực quân đội, hành chính và các xí nghiệp công cộng từ thế kỷ 18 tại các nước châu Âu. Năm 1714, ở Đức, dưới thời vua Phổ - Friedrich Wilhelm I, sắc lệnh thành lập phòng Thẩm kế tối cao được ban hành. Các kiểm toán viên thường được mời đến dự các phiên toàn xét xử với tư cách là

người thu thập thông tin chứ hoàn toàn không có quyền phát biểu ý kiến. Năm 1807, dưới thời Hoàng đế Napoleon I, tại Pháp, Tòa Thẩm kế (Cour des comptes) cũng đã được thành lập. Các kiểm toán viên thường được mời đến tham dự các cuộc họp quan trọng trong nội các chính phủ với mục đích lựa chọn trong số nhiều đại biểu những ứng viên xuất sắc cho việc đào tạo kiểm toán viên. Năm 1867, ở Nga, trong danh mục các chức tước quan trọng nhất có hẳn một chương mục dành để mô tả vị trí kiểm toán viên – những người có hàm vị trong lực lượng quân đội. Năm 1972, Cơ quan Tổng Kế toán Hoa Kỳ (General Accounting Office – GAO) đã công bố Chuẩn mực Kiểm toán tối cao (được hoàn thiện qua các năm 1981, 1994). Điều này đã khẳng định lợi ích của kiểm toán trong khu vực phi thương mại cùng với những quan điểm và phương pháp mới để đánh giá hiệu quả của các nghiệp vụ này.

1.1.2. Ở Việt Nam

Nếu như thuật ngữ kiểm toán và hoạt động nghề nghiệp kiểm toán đã được biết đến và phát triển từ lâu trên thế giới thì tại Việt Nam kiểm toán mới được chấp nhận từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý từ nền kinh tế kế hoạch hoá sang nền kinh tế thị trường có định hướng của nhà nước. Trong cơ chế quản lý kinh tế mới, Nhà nước lãnh đạo và quản lý nền kinh tế không phải bằng biện pháp hành chính mà bằng pháp luật, bằng biện pháp kinh tế, bằng đòn bẩy và công cụ kinh tế. Kinh tế thị trường cũng đòi hỏi các hoạt động kinh tế - tài chính phải diễn ra một cách bình đẳng, công khai, minh bạch. Hoạt động kiểm toán hình thành và phát triển trở thành một nhu cầu tất yếu đối với hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng quản lý tài chính. Thừa hưởng được những thành quả trong sự phát triển của ngành nghề kiểm toán trên thế giới, ngay từ những ngày đầu, cả ba loại hình kiểm toán: Kiểm toán độc lập, Kiểm toán Nhà nước và Kiểm toán nội bộ đều được chú ý hình thành và phát triển ở Việt Nam.

- Kiểm toán độc lập:

Ngày 13/5/1991, Bộ Tài chính đã ký quyết định thành lập hai công ty Kiểm toán đầu tiên: Công ty Kiểm toán Việt Nam – VACO (nay là công ty

Deloitte Việt Nam) và Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Việt Nam –AASC (nay là công ty TNHH Tuấn tài chính kế toán và Kiểm toán). Số lượng nhân viên ban đầu chỉ khoảng 15 người và hầu như chưa có chứng chỉ kiểm toán viên là chứng chỉ hành nghề phải có theo quy định. Hoạt động kiểm toán độc lập cũng lần đầu tiên được luật hóa bằng việc Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân được ban hành kèm ND 07/CP ngày 29/1/1994.

Trải qua hơn 16 năm phát triển, hoạt động kiểm toán độc lập ở nước ta đã có sự phát triển mạnh mẽ cả mặt lượng và chất. Nhận thức về vai trò của kiểm toán độc lập và vị thế của kiểm toán ngày càng được khẳng định trong nền kinh tế thị trường Việt Nam. Đặc biệt, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 về Kiểm toán độc lập (được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định 133/2005/NĐ-CP ngày 31/10/2005) đã tạo một “luồng gió mới”, đẩy nhanh quá trình phát triển của ngành kiểm toán Việt Nam.

Theo thống kê, đến năm 2006, Bộ Tài chính đã công nhận và cấp chứng chỉ kiểm toán viên cho 1.234 người. Trong số này, có 120 người có chứng chỉ kiểm toán viên quốc tế, chiếm 10% tổng số kiểm toán viên cả nước, 868 người đang làm việc tại các công ty kiểm toán, cung cấp 20 loại hình nghiệp vụ chuyên môn. Đến nay, cả nước đã có khoảng 105 công ty kiểm toán, trong đó có 6 công ty nhà nước, 66 công ty trách nhiệm hữu hạn, 4 công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, 12 công ty cổ phần và 17 công ty hợp danh. Hiện 11 công ty được các hãng kiểm toán quốc tế lớn công nhận là thành viên.

- Kiểm toán Nhà nước:

Kiểm toán Nhà nước được chính thức thành lập bằng việc Chính phủ ban hành Nghị định số 70/CP ngày 11/07/1994. Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 20/3/1996 cũng quy định: “Kiểm toán Nhà nước là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện việc kiểm toán, xác định tính đúng đắn, hợp pháp của các số liệu kế toán, báo cáo quyết toán của các cơ quan Nhà

nước, các đơn vị có nhiệm vụ thu, chi Ngân sách Nhà nước theo quy định của Chính phủ”.

Trong xu thế phát triển và hội nhập của đất nước ngày càng mạnh mẽ, yêu cầu đổi mới quản lý kinh tế - xã hội đặt ra cho các cơ quan quản lý Nhà nước phải có những thay đổi nhằm thích ứng được nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể. Kiểm toán Nhà nước cũng không ngoại lệ trong quy luật đổi mới tất yếu này. Vì vậy, ngày 20 tháng 4 năm 2005, Luật Kiểm toán Nhà nước được thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa IX (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006) đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc xác lập địa vị pháp lý và định hướng phát triển, thúc đẩy hoạt động của kiểm toán Nhà nước lên một tầm cao mới. Theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước, vị trí pháp lý của Kiểm toán Nhà nước là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kiểm tra tài chính nhà nước do Quốc hội thành lập. Ngoài ra, phần lớn các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện để Kiểm toán Nhà nước bảo đảm hoạt động đều được xác lập ở mức độ và yêu cầu cao hơn những quy định trước đây rất nhiều.

Năm 2006 là năm đầu tiên thực hiện Luật Kiểm toán Nhà nước, trong đó Kiểm toán nhà nước đã triển khai thực hiện 98 cuộc kiểm toán theo kế hoạch, đồng thời triển khai bổ sung một số cuộc kiểm toán phát sinh theo các thỏa thuận quốc tế theo đề nghị của một số đại sứ quán nước ngoài và của Bộ Tài chính. Kiểm toán nhà nước cũng tiến hành kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2005 tại 24 tỉnh, thành phố, bộ, ngành, 13 tổng công ty và 6 dự án, chương trình mục tiêu quốc gia với số đơn vị trực thuộc là 339 đơn vị. Theo kết quả tổng hợp đến hết tháng 12/2006, qua hoạt động kiểm toán đã phát hiện, xử lý về tài chính tổng số tiền hơn 11 nghìn tỷ đồng, trong đó, kiến nghị xử lý tăng thu, giảm chi và xử lý tài chính khác gần bảy nghìn tỷ đồng; kiến nghị xử lý các khoản nợ đọng Ngân sách nhà nước (thu tiền sử dụng đất, thuế) tăng thêm hơn bốn nghìn tỷ đồng. Tính riêng 59 báo cáo kiểm toán đã phát hành, Kiểm toán nhà nước đã phát hiện và kiến nghị tăng thu Ngân sách nhà nước, ghi thu -

ghi chi, đưa vào quản lý qua ngân sách 5.027 tỷ đồng, vượt xa so với hơn 4.000 tỷ đồng của toàn bộ báo cáo kiểm toán năm 2005.

Bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động kiểm toán, việc công khai báo cáo kết quả kiểm toán Nhà nước hàng năm đã góp phần khẳng định vai trò của Kiểm toán Nhà nước trong việc minh bạch hóa nền tài chính quốc gia.

- Kiểm toán nội bộ:

Nếu như kiểm toán độc lập đã có mặt ở Việt Nam được hơn 10 năm thì cho đến nay khái niệm kiểm toán nội bộ vẫn còn xa lạ với nhiều nhà quản lý. Hiện nay khung pháp lý cao nhất cho hoạt động kiểm toán nội bộ là Luật Doanh nghiệp (cũ và mới). Các doanh nghiệp nhà nước có thêm quy định, hướng dẫn về kiểm toán nội bộ thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ số 832 (28/10/1997).

1.2. BẢN CHẤT CỦA KIỂM TOÁN

Như đã đề cập, hoạt động kiểm toán tuy đã xuất hiện từ lâu nhưng cách hiểu và cách vận dụng thuật ngữ này ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ. Trong quá trình hoàn thiện đó, đã tồn tại các quan điểm khác nhau về kiểm toán.

Quan điểm đồng nhất kiểm toán với kiểm toán Báo cáo tài chính

Kiểm toán Báo cáo tài chính là sự kiểm tra và trình bày ý kiến nhận xét của kiểm toán viên về tính trung thực, hợp lý, tính hợp thức và hợp pháp của các báo cáo tài chính.

Theo định nghĩa của Liên đoàn kế toán Quốc tế (International Federation of Accountants - IFAC): “ Kiểm toán là việc các kiểm toán viên độc lập kiểm tra và trình bày ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính”.

Quan điểm này xuất hiện là bởi ở các nước phát triển, đối tượng trực tiếp và thường xuyên của kiểm toán là các báo cáo tài chính. Sự ra đời và hoạt động của kiểm toán gắn liền với việc kiểm tra tính trung thực và hợp lý của các thông tin trên Báo cáo tài chính nên đã có sự đồng nhất kiểm toán với kiểm toán Báo cáo tài chính.

Theo các chuyên gia kế toán cũng như các nhà kinh doanh, những người quan tâm đến thông tin của một đơn vị hay của một thực thể đòi hỏi ngày càng nhiều loại thông tin khác nhau hơn so với các thông tin được cung cấp bởi các Báo cáo tài chính. Hơn nữa, do tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh với nhau cũng như đòi hỏi ngày càng cao của các chủ thể quản lý, nên hoạt động kiểm toán đã hướng tới liên kết các dịch vụ kiểm toán đối với cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính cũng như cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu năng công tác quản lý.

Quan điểm đồng nhất kiểm toán với kiểm tra kế toán.

Quan điểm này phù hợp trong điều kiện quản lý chưa phát triển, trong cơ chế *kế hoạch hoá tập trung*. Đó là cơ chế mà Nhà nước thực hiện chức năng *kiểm tra trực tiếp* với mọi thành phần kinh tế – xã hội thông qua nhiều khâu: lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, hoàn thành kế hoạch và kiểm tra tài chính thường xuyên thông qua “Giám sát viên của Nhà nước đặt tại xí nghiệp” là kế toán trưởng, đến việc xét duyệt quyết toán và kể cả thanh tra các vụ việc cụ thể.

Tuy nhiên, khi cơ chế thay đổi, công tác quản lý ngày càng trở nên phức tạp do có sự đa dạng hoá về hình thức sở hữu: Nhà nước, tập thể, tư nhân..., đa phương hoá các loại hình đầu tư: Trực tiếp, gián tiếp, trong nước, nước ngoài.... Sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước bằng kế hoạch, kiểm tra trực tiếp... không thể thực hiện được đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Do đó, tập thể những người quan tâm đến thông tin tài chính lúc này trở nên đa dạng hơn mà yêu cầu về thông tin của những người sử dụng là phải trung thực, hợp lý và đủ sức thuyết phục. Do vậy, kiểm tra kế toán bắt đầu bộc lộ những hạn chế và tỏ ra không còn phù hợp nữa. Nó không đáp ứng được các nhu cầu kiểm tra của quản lý bởi:

- Giới hạn về phạm vi hoạt động và tính độc lập về quyền lợi của kế toán viên nên thông tin kế toán không tạo được niềm tin cho những người quan tâm.

- Không phải tất cả những thông tin tài chính đều được phản ánh đầy đủ trên các tài liệu kế toán.

- Không phải tất cả những người quan tâm tới thông tin tài chính kế toán đều hiểu về kế toán tường tận.

Chính vì những lý do đó mà công tác kiểm tra cần được thực hiện *rộng rãi, đa dạng, khách quan, trung thực, đủ sức thuyết phục và tạo niềm tin* cho mọi người quan tâm. Việc tách kiểm toán ra khỏi những hoạt động kế toán và hình thành một khoa học kiểm toán độc lập là một *xu hướng phát triển tất yếu* của lịch sử.

Quan điểm hiện đại

1. Kiểm toán về thông tin (Information Audit): đánh giá tính trung thực và hợp pháp của các thông tin làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các mối quan hệ về kinh tế và tạo niềm tin cho những người quan tâm đến tài liệu kế toán.

Ví dụ: Kiểm toán Báo cáo tài chính: Xác minh và bày ỏ ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các Báo cáo tài chính, giúp cho những người sử dụng thông tin đưa ra quyết định. Nhà đầu tư sẽ dựa vào báo cáo kiểm toán để quyết định mua hay không mua cổ phiếu của công ty được kiểm toán.

2. Kiểm toán tính quy tắc – tuân thủ (Regularity Audit): đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, thể lệ, luật pháp của đơn vị kiểm tra trong quá trình hoạt động.

Ví dụ: Kiểm toán Nhà nước kiểm tra sự tuân thủ chính sách, chế độ, luật lệ của Nhà nước để phục vụ mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô đối với các đơn vị sử dụng kinh phí Nhà nước. Kiểm toán nội bộ kiểm tra tính hữu hiệu của hệ thống kế toán phục vụ cho quản trị nội bộ.

3. Kiểm toán hiệu quả (Efficiency Audit): Đối tượng trực tiếp là các yếu tố, các nguồn lực trong từng loại nghiệp vụ kinh doanh: mua bán, sản xuất, dịch vụ... Kiểm tra hiệu quả giúp ích trực tiếp cho việc hoạch định chính sách và phương hướng, giải pháp cho việc hoàn thiện hoặc cải tổ hoạt động kinh doanh của đơn vị được kiểm toán.